



shōu róng suǒ

收容所

noun · shelter, refuge

Example Sentences

Liú làng gǒu bèi sòng dào shōu róng suǒ
流浪狗被送到收容所。

Stray dogs are sent to the shelter.

Zhè gè shōu róng suǒ bāng zhù le hěn duō wú jiā kě guī de rén
这个收容所帮助了很多无家可归的人。

This shelter has helped many homeless people.

Trace each character, then write the word on your own.

收	收	收	收	收	收	收	收	收		
容	容	容	容	容	容	容	容	容	容	容
容	容									
所	所	所	所	所	所	所	所	所	所	所